



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 2600114002 ngày 22 tháng 3 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600114002 ngày 1 tháng 7 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Tiến	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Liên Hà	Thành viên
	Ông Dương Thế Quang	Thành viên
	Ông Trần Hoàng Nam	Thành viên (từ ngày 22 tháng 3 năm 2019)
	Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên (đến ngày 22 tháng 3 năm 2019)

Ban Kiểm soát	Bà Lê Thị Lan Anh	Trưởng ban
	Bà Hoàng Thanh Vân	Thành viên
	Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Tiến	Giám đốc
	Ông Bùi Như Thương	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu 6, Thị trấn Thanh Ba
Huyện Thanh Ba
Tỉnh Phú Thọ
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc


Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Phú Thọ, ngày 26 tháng 2 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 2 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý người đọc tới thuyết minh 3(k) và thuyết minh 35 của báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc, chuyển từ việc áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chính sách kế toán mới này được áp dụng hồi tố. Thuyết minh 35 trình bày ảnh hưởng của việc áp dụng hồi tố chính sách kế toán mới này đối với báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00268-20-2



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 2 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		76.183.798.320	85.128.368.121
Tiền	110	5	12.798.002.507	14.653.037.701
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.580.836.757	23.365.139.351
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.837.207.119	12.770.979.896
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.499.738.800	11.984.699.200
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.561.698.550	1.510.979.507
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(3.317.807.712)	(2.901.519.252)
Hàng tồn kho	140	8	48.574.252.550	44.111.008.533
Hàng tồn kho	141		50.476.050.738	44.111.008.533
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.901.798.188)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.230.706.506	2.999.182.536
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.341.171.373	1.361.869.360
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	1.889.535.133	1.637.313.176
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		112.893.925.800	88.231.919.662
Các khoản phải thu dài hạn	210		442.301.363	441.659.463
Phải thu dài hạn khác	216		442.301.363	441.659.463
Tài sản cố định	220		87.845.952.773	50.817.062.819
Tài sản cố định hữu hình	221	9	87.845.952.773	50.817.062.819
Nguyên giá	222		259.517.708.330	220.288.122.253
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.671.755.557)	(169.471.059.434)
Bất động sản đầu tư	230	10	1.739.374.603	2.296.144.887
Nguyên giá	231		8.719.766.623	8.719.766.623
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.980.392.020)	(6.423.621.736)
Tài sản dở dang dài hạn	240		414.903.165	883.155.345
Xây dựng cơ bản dở dang	242		414.903.165	883.155.345
Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.530.500.000	8.530.500.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	8.530.500.000	8.530.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		13.920.893.896	25.263.397.148
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	13.920.893.896	25.263.397.148
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		189.077.724.120	173.360.287.783

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

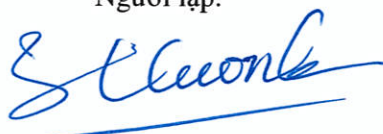
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		130.757.054.357	115.810.241.521
Nợ ngắn hạn	310		109.561.756.166	111.458.770.896
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.341.375.808	12.995.729.385
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.756.357.860	6.400.188.161
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(a)	20.491.391.469	24.017.539.312
Phải trả người lao động	314		4.570.371.685	5.772.168.639
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		959.511.009	884.645.303
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		606.060.444	606.060.614
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	13.670.576.447	15.308.986.516
Vay ngắn hạn	320	16(a)	46.971.695.690	34.000.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17(a)	2.984.605.367	7.644.228.740
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	4.209.810.387	3.829.224.226
Nợ dài hạn	330		21.195.298.191	4.351.470.625
Vay dài hạn	338	16(b)	17.175.110.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	711.150.559	1.176.672.173
Dự phòng phải trả dài hạn	342	17(b)	3.309.037.632	3.174.798.452
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		58.320.669.763	57.550.046.262
Vốn chủ sở hữu	410	20	58.320.669.763	57.550.046.262
Vốn cổ phần	411	21	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	19.107.852.804	19.107.852.804
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.212.816.959	8.442.193.458
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.181.520.238	6.127.640.198
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.031.296.721	2.314.553.260
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		189.077.724.120	173.360.287.783

Ngày 26 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	306.169.735.303	285.216.488.079
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	190.480.010
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	306.169.735.303	285.026.008.069
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	273.454.198.990	256.793.343.440
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		32.715.536.313	28.232.664.629
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.111.926.167	3.715.228.101
Chi phí tài chính	22	28	2.446.284.050	1.203.701.207
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.261.615.401	1.164.307.376
Chi phí bán hàng	25	29	8.391.167.230	9.786.054.196
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	10.067.853.250	13.558.766.433
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.922.157.950	7.399.370.894
Thu nhập khác	31		1.052.332.649	824.680.603
Chi phí khác	32		117.036.798	287.561.969
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		935.295.851	537.118.634
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.857.453.801	7.936.489.528
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.268.845.694	1.049.629.123
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(465.521.614)	146.777.567
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.054.129.721	6.740.082.838
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.257	772

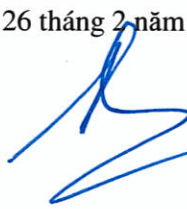
Ngày 26 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	2019	2018
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		15.857.453.801	7.936.489.528
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.946.683.252	8.944.155.808
Các khoản dự phòng	03		2.535.977.828	2.195.803.437
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		180.855.658	5.058.075
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.780.520.975)	(4.367.480.829)
Chi phí lãi vay	06		2.261.615.401	1.164.307.376
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		26.002.064.965	15.878.333.395
Biến động các khoản phải thu	09		3.344.302.961	38.611.126.204
Biến động hàng tồn kho	10		(6.365.042.205)	(5.599.256.531)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(17.259.574.098)	(4.733.035.239)
Biến động chi phí trả trước	12		11.363.201.239	(4.343.945.329)
			17.084.952.862	39.813.222.500
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.332.551.698)	(1.376.092.804)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.714.113.084)	(2.629.737.556)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.986.572.059)	(3.704.633.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.051.716.021	32.102.758.711
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(37.282.936.490)	(26.601.394.545)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		959.476.751	711.818.182
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.020.385.654	3.655.662.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.303.074.085)	(22.233.913.716)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2019	2018
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		233.288.308.178	185.410.037.567
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(203.141.502.488)	(183.957.217.147)
Tiền chi trả cổ tức	36		(8.750.310.000)	(8.782.703.104)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.396.495.690	(7.329.882.684)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.854.862.374)	2.538.962.311
Tiền đầu năm	60		14.653.037.701	12.119.133.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(172.820)	(5.058.075)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	12.798.002.507	14.653.037.701

Ngày 26 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 6 tháng 3 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSD.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất cồn thực phẩm, rượu các loại, bia và nước giải khát có ga; kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 172 nhân viên (1/1/2019: 182 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 33.378 triệu VND (1/1/2019: 26.330 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 16). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(g) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
--------------------------	-------------

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) thay cho Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 180”) như những năm trước. Chính sách kế toán mới này được áp dụng hồi tố. Do đó, nghĩa vụ đối với các nhân viên đủ điều kiện và giá trị dự phòng trợ cấp thôi việc đã được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty. Thuyết minh 35 trình bày chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán này.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công ty chia bộ phận địa lý theo vị trí của khách hàng bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài. Doanh thu xuất khẩu chỉ chiếm tỉ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến doanh thu trong nước.

5. Tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	154.422.941	74.144.037
Tiền gửi ngân hàng	12.643.579.566	14.578.893.664
	<hr/>	<hr/>
	12.798.002.507	14.653.037.701
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.958.296.542	9.405.748.680
Pomegranate Perspectives Pte. Ltd	1.959.002.711	619.473.238
Công ty Cổ phần Thương Mại New Invention	1.244.710.581	1.244.710.581
Các khách hàng khác	1.675.197.285	1.501.047.397
	<hr/>	<hr/>
	10.837.207.119	12.770.979.896

(b) Phải thu của khách hàng là một bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.958.296.542	9.405.748.680
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.150.196.494	(2.094.787.036)	55.409.458
Phải thu ngắn hạn khác	1.223.020.676	(1.223.020.676)	-
	3.373.217.170	(3.317.807.712)	55.409.458

	1/1/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.171.732.208	(1.678.498.576)	493.233.632
Phải thu ngắn hạn khác	1.223.020.676	(1.223.020.676)	-
	3.394.752.884	(2.901.519.252)	493.233.632

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	2.901.519.252	2.369.247.404
Dự phòng trích lập trong năm	454.549.460	532.271.848
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(38.261.000)	-
Số dư cuối năm	3.317.807.712	2.901.519.252

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	24.982.155.631	(256.883.466)	22.108.836.554	-
Công cụ và dụng cụ	6.550.428.866	(1.644.914.722)	7.991.879.191	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.409.657.242	-	5.802.887.712	-
Thành phẩm	12.533.808.999	-	8.207.405.076	-
	50.476.050.738	(1.901.798.188)	44.111.008.533	-

Số dư của dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2018: Không).

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	25.164.533.123	188.188.190.450	6.683.957.476	251.441.204	220.288.122.253
Tăng trong năm	-	44.509.272.727	-	-	44.509.272.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.108.871.625	-	-	1.108.871.625
Thanh lý	-	(6.137.117.071)	-	(251.441.204)	(6.388.558.275)

Số dư cuối năm

	25.164.533.123	227.669.217.731	6.683.957.476	-	259.517.708.330
--	----------------	-----------------	---------------	---	-----------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	18.622.511.782	147.109.829.499	3.487.276.949	251.441.204	169.471.059.434
Khấu hao trong năm	754.300.138	6.940.627.970	694.984.860	-	8.389.912.968
Thanh lý	-	(5.937.775.641)	-	(251.441.204)	(6.189.216.845)

Số dư cuối năm

	19.376.811.920	148.112.681.828	4.182.261.809	-	171.671.755.557
--	----------------	-----------------	---------------	---	-----------------

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	6.542.021.341	41.078.360.951	3.196.680.527	-	50.817.062.819
Số dư cuối năm	5.787.721.203	79.556.535.903	2.501.695.667	-	87.845.952.773

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 128.511 triệu VND (1/1/2019: 128.184 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 58.715 triệu VND (1/1/2019: 22.237 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	8.719.766.623
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.423.621.736
Khấu hao trong năm	556.770.284
Số dư cuối năm	6.980.392.020
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.296.144.887
Số dư cuối năm	1.739.374.603

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 1.739 triệu VND (1/1/2019: 2.296 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16(b)).

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019 và 1/1/2019				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (*)	853.050	6,82%	8.530.500.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	23.257.296.095	1.507.909.453	498.191.600	25.263.397.148
Tăng trong năm	-	417.552.509	225.146.573	642.699.082
Phân bổ trong năm	(5.137.515.483)	(685.463.806)	(860.357.251)	(6.683.336.540)
Thanh lý	(622.982.838)	-	-	(622.982.838)
Phân loại lại	(4.992.413.167)	(462.035.338)	775.565.549	(4.678.882.956)
Số dư cuối năm	12.504.384.607	777.962.818	638.546.471	13.920.893.896

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.081.860.783	1.937.036.053
Pomegranate Perspectives Pte. Ltd.	1.815.660.215	1.792.494.335
Công ty Cổ phần Hanacans	1.157.466.120	3.323.658.334
Các nhà cung cấp khác	4.286.388.690	5.942.540.663
	9.341.375.808	12.995.729.385

(b) Phải trả người bán là một bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.081.860.783	1.937.036.053

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ cán trừ trong năm VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	161.761.694	49.830.779.313	(51.799.495.574)	1.806.954.567	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	23.838.750.598	211.417.782.350	(214.982.966.553)	-	20.273.566.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.268.845.694	(3.268.845.694)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.615.820	690.232.139	(487.182.645)	-	204.665.314
Các loại thuế khác	15.411.200	1.848.089.113	(1.850.340.553)	-	13.159.760
	24.017.539.312	267.055.728.609	(272,388,831,019)	1.806.954.567	20,491,391,469

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số cán trừ trong năm VND	Phân loại lại từ thuế phải nộp VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.806.954.567	1.806.954.567
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.571.778.608	(1.554.732.610)	-	17.045.998
Các loại thuế khác	65.534.568	-	-	65.534.568
	1.637.313.176	(1,554,732,610)	1.806.954.567	1,889,535,133

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.447.617.530	13.109.223.043
Cổ tức phải trả	1.766.908.551	1.517.218.551
Phải trả ngắn hạn khác	456.050.366	682.544.922
	<hr/>	<hr/>
	13.670.576.447	15.308.986.516
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019	Biến động trong năm	31/12/2019
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	34.000.000.000	208.515.408.178	39.373.905.690
Vay dài hạn đến hạn trả	-	7.597.790.000	7.597.790.000
	34.000.000.000	216.113.198.178	46.971.695.690

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh	VND	5,3%	39.373.905.690	34.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 18.720 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 22.237 triệu VND) (thuyết minh 9) và bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 1.739 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 2.296 triệu VND) (thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2019 VND
Vay dài hạn	24.772.900.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.597.790.000)
	17.175.110.000
	17.175.110.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (a)	VND	7.8%	2022	19.795.300.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (b)	VND	7.9%	2022	4.977.600.000
				24.772.900.000
				24.772.900.000

- (a) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 25.583 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: Không) (thuyết minh 9).
- (b) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.412 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: Không) (thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Các khoản dự phòng

(a) Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn phản ánh khoản dự phòng trích lập cho chi phí bản quyền phải trả cho Henninger Brau AG (“Henninger”) theo hợp đồng ký ngày 23 tháng 3 năm 2009 giữa Công ty và Henninger liên quan đến việc sử dụng thương hiệu Henninger tại Việt Nam.

(b) Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2019 VND
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – thuyết minh 35)	3.174.798.452
Dự phòng trích lập trong năm	217.891.180
Dự phòng sử dụng trong năm	(83.652.000)
	3.309.037.632
Số dư cuối năm	3.309.037.632

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	3.829.224.226	3.108.328.077
Trích lập trong năm (thuyết minh 20)	5.022.833.000	4.425.529.578
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 20)	(1.739.326.780)	-
Sử dụng trong năm	(2.902.920.059)	(3.704.633.429)
	4.209.810.387	3.829.224.226
Số dư cuối năm	4.209.810.387	3.829.224.226

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
		(Đã điều chỉnh lại)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:		
▪ Công cụ và dụng cụ	1.844.227.614	1.873.630.525
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:		
▪ Dự phòng trợ cấp thôi việc	661.807.525	634.959.690
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	380.359.638	-
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	90.909.892	-
▪ Dự phòng khác	-	61.998.662
	1.133.077.055	696.958.352
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	711.150.559	1.176.672.173

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 - đã báo cáo trước đây
Ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán (thuyết minh 35)

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 - đã điều chỉnh lại

Lợi nhuận thuần trong năm - đã báo cáo trước đây
Ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán (thuyết minh 35)
 Lợi nhuận thuần trong năm - đã điều chỉnh lại
 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 18)
 Cổ tức (thuyết minh 22)

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 - đã điều chỉnh lại

Lợi nhuận thuần trong năm
 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 18)
 Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 18)
 Cổ tức (thuyết minh 22)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
	30.000.000.000	19.107.852.804	16.584.648.338 (1.457.008.140)	65.692.501.142 (1.457.008.140)
	30.000.000.000	19.107.852.804	15.127.640.198	64.235.493.002
	-	-	7.342.913.460 (602.830.622)	7.342.913.460 (602.830.622)
	-	-	6.740.082.838	6.740.082.838
	-	-	(4.425.529.578)	(4.425.529.578)
	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
	30.000.000.000	19.107.852.804	8.442.193.458	57.550.046.262
	-	-	13.054.129.721 (5.022.833.000)	13.054.129.721 (5.022.833.000)
	-	-	1.739.326.780	1.739.326.780
	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
	30.000.000.000	19.107.852.804	9.212.816.959	58.320.669.763

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 9.000 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 9.000 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	434.077.679	964.154.423
Từ hai đến năm năm	2.150.528.154	3.856.617.692
Sau năm năm	6.724.452.315	15.705.451.138
	9.309.058.148	20.526.223.253

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	100.879	2.343.416.847	1.010	23.385.161

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng		- 24.576.448.072

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	298.763.199.136	281.998.943.404
<i>Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	510.180.981.486	495.032.317.373
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(211.417.782.350)	(213.033.373.969)
▪ Cung cấp dịch vụ	1.518.309.031	1.433.819.322
▪ Doanh thu khác	5.888.227.136	1.783.725.353
	306.169.735.303	285.216.488.079
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	190.480.010
	306.169.735.303	285.026.008.069

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	270.760.779.865	255.804.651.799
▪ Dịch vụ đã cung cấp	791.620.937	988.691.641
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.901.798.188	-
	<hr/> 273.454.198.990	<hr/> 256.793.343.440

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Cổ tức được chia	2.985.675.000	3.412.200.000
Lãi tiền gửi	34.710.654	243.462.647
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	89.751.146	59.565.454
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.789.367	-
	<hr/> 3.111.926.167	<hr/> 3.715.228.101

28. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	2.261.615.401	1.164.307.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.812.991	34.335.756
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	180.855.658	5.058.075
	<hr/> 2.446.284.050	<hr/> 1.203.701.207

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	2.457.849.402	2.724.148.401
Chi phí khấu hao và phân bổ	422.509.434	426.823.860
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.034.586.549	3.939.694.872
Chi phí vận chuyển	2.215.868.924	2.176.946.033
Chi phí bán hàng khác	1.260.352.921	518.441.030
	8.391.167.230	9.786.054.196

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí nhân viên	4.655.600.225	5.952.579.694
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	827.522.774	809.981.371
Chi phí khấu hao và phân bổ	533.166.856	582.933.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	975.181.007	1.958.719.883
Chi phí quản lý khác	3.076.382.388	4.254.551.670
	10.067.853.250	13.558.766.433

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	228.248.650.213	223.364.160.227
Chi phí nhân công và nhân viên	23.900.084.236	25.759.412.229
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.946.683.252	8.944.155.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.528.417.201	16.878.298.513
Chi phí khác	8.114.532.679	5.988.582.921

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.222.475.123	1.049.629.123
Dự phòng thiếu trong những năm trước	46.370.571	-
	<hr/> 3.268.845.694	<hr/> 1.049.629.123
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(465.521.614)	146.777.567
	<hr/> 2.803.324.080	<hr/> 1.196.406.690

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.857.453.801	7.936.489.528
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.171.490.760	1.587.297.906
Chi phí không được khấu trừ thuế	182.597.749	291.548.784
Thu nhập không bị tính thuế	(597.135.000)	(682.440.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	46.370.571	-
	<hr/> 2.803.324.080	<hr/> 1.196.406.690

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	13.054.129.721	6.740.082.838
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.283.506.220)	(4.425.529.578)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>9.770.623.501</u>	<u>2.314.553.260</u>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và năm 2018. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 3.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	391.870.350.380	378.459.526.780
Mua nguyên vật liệu	144.986.376.427	149.408.303.518
Cổ tức	4.611.150.000	4.611.150.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Cổ tức	2.985.675.000	3.412.200.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	279.000.000	143.220.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Cổ tức	450.000.000	450.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	2.441.028.806	2.046.128.198

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Số liệu so sánh

Ngoại trừ các điều chỉnh lại như được trình bày dưới đây, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Như đề cập ở thuyết minh 3(k), Công ty đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 và chính sách kế toán mới này đã được áp dụng hồi tố. Điều này dẫn đến số dư đầu năm và số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, và số liệu sau khi điều chỉnh lại, như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	1/1/2019 VND (Đã báo cáo trước đây)	Các điều chỉnh VND	1/1/2019 VND (Điều chỉnh lại)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	181.998.662	(181.998.662)	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	8.244.228.740	(600.000.000)	7.644.228.740
Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.174.798.452	3.174.798.452
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.873.630.525	(696.958.352)	1.176.672.173
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.502.032.220	(2.059.838.762)	8.442.193.458
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	7.584.648.338	(1.457.008.140)	6.127.640.198
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	2.917.383.882	(602.830.622)	2.314.553.260

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 VND (Đã báo cáo trước đây)	Các điều chỉnh VND	2018 VND (Điều chỉnh lại)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.805.228.156	753.538.277	13.558.766.433
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	297.485.222	(150.707.655)	146.777.567
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	7.342.913.460	(602.830.622)	6.740.082.838

Ngày 26 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

